

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HN-ST

Ngày: 03/9/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Bà Đỗ Thị Tề.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Huế Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2020/TLST-HN, ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27a/2020/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trương Thị K C**, sinh năm 1986; (Có mặt)

Bị đơn: **Anh Lê V T**, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp ĐAA, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trương Thị K C** trình bày:

Bà và bị đơn kết hôn năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Thành, thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến nguyên đơn và bị đơn đã

sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Lê Thị K H(nữ), sinh ngày 27/11/2007. Hiện nay con chung đang sống chung với nguyên đơn, do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nay ly hôn nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê V T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của nguyên đơn đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trương Thị K C được ly hôn với ông Lê V T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị K H(nữ), sinh ngày 27/11/2007. Do nguyên đơn chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Đối với bị đơn ông Lê V T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định nguyên đơn bà Trương Thị K C và bị đơn ông Lê V T thực tế sinh sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định

của Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử nhận định, hôn nhân của bà C và ông T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đồng thời ly thân từ năm 2016 đến nay, bị đơn trong quá trình giải quyết đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không có lời trình bày, cho thấy bị đơn cũng không tha thiết với cuộc hôn nhân này, nên Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị K C.

[3] Về con chung: Xét con chung là cháu Lê Thị K H(nữ), sinh ngày 27/11/2007 hiện do nguyên đơn nuôi dưỡng từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân đến nay, cuộc sống của cháu đã ổn định, mặt khác cháu Hân cũng có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị K C được ly hôn với ông Lê V T.

2. Về con chung: Nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị K H(nữ), sinh ngày 27/11/2007. Do nguyên đơn chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị K C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chuyển từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí của bà Trương Thị K C nộp theo biên lai thu số 0000234 ngày 05/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang ;
- VKSND. TP Ngã Bảy;
- Chi cục THA. TP Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Nhung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải      Lương Thị Hồng Hà.

Trần Thị Nhung